

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (bao gồm hoạt động khai thác đất tại mỏ QN05) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 22/4/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (bao gồm hoạt động khai thác đất tại mỏ QN05) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 278/BQL-KTTĐ ngày 18/5/2021 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 374/TTr-STNMT ngày 19/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (bao gồm hoạt động khai thác đất tại mỏ QN05) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định; đơn vị quản lý, vận hành Khu tái định cư và đơn vị khai thác đất

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án tại trụ sở UBND xã Phước Thuận, UBND phường Bùi Thị Xuân theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Xây dựng, hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; bàn giao cho đơn vị vận hành, quản lý dự án.

4. Hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của các đơn vị khai thác đất trong quá trình khai thác và vận chuyển đất từ dự án đến công trình theo các nội dung yêu cầu tại Báo cáo ĐTM.

5. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

6. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, nếu Dự án không được triển khai, Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý dự án NN&PTNT;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND phường Bùi Thị Xuân;
- UBND xã Phước Thuận;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC
KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI DIÊM VÂN,
XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC
(BAO GỒM HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC ĐẤT TẠI MỎ QN05)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (bao gồm hoạt động khai thác đất tại mỏ QN05).

1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3814701.

1.4. Địa điểm thực hiện Dự án

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân: tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05: tại khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.5. Phạm vi, quy mô

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân: tổng diện tích dự án là 12,6 ha với dân số khoảng 1.756 người.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Diện tích huy động vào khai thác: 13,34 ha (trong đó, Khu I có diện tích 4,34 ha và Khu II có diện tích 09 ha), được chia làm 04 khoảnh khai thác để phục vụ thi công 04 dự án thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân và Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (gồm 02 dự án xây dựng kè và 02 dự án xây dựng hạ tầng khu tái định cư) do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định làm chủ đầu tư.

- Thời gian khai thác: 02 năm (thực hiện khai thác theo tiến độ thi công 04 dự án thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân và Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Công suất khai thác: 500.000 m³ đất nguyên khai/năm thứ nhất và 170.000 m³ đất nguyên khai/năm thứ hai.

- Phương pháp khai thác: chia mỏ làm 04 khoảnh và thực hiện khai thác đồng thời, mở vỉa khai thác từ phía Tây Bắc tại các khoảnh; khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, hết lớp này đến lớp khác; cos kết thúc khai thác Khu I và Khu II lần lượt là +80,5m, +79,5m. Sử dụng máy đào để khai thác và xe 7 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác).

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân: san nền, đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt, hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng, hệ thống xử lý nước thải công suất 220 m³/ngày.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Công trình bảo vệ môi trường: 01 hồ lắng phía Đông Khu I với thể tích khoảng 196 m³, 01 hồ lắng phía Bắc Khu II với thể tích khoảng 451 m³, 04 hố giảm tốc với tổng thể tích khoảng 174 m³, mương thu gom nước mưa về hồ lắng có tổng chiều dài khoảng 2.361 m, mương dẫn nước từ 02 hồ lắng ra nguồn tiếp nhận có tổng chiều dài khoảng 110 m, nhà vệ sinh di động.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất, có chiều dài 351,83m x chiều rộng 5,0m).

- Khu vực phụ trợ khoảng 1.000 m² (tại sân công nghiệp) để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động và bãi tập kết xe.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân

- Các tác động liên quan đến chất thải

+ Giai đoạn xây dựng: bụi trong quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, bụi và khí thải của máy móc thi công, phương tiện vận chuyển; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

+ Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

- Các tác động không liên quan đến chất thải: ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt cung cấp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản của các hộ phía Đông Bắc dự án.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, ồn phát sinh trong quá trình

khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lẫn bùn đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình vận chuyển đất gây hư hỏng tuyến đường đê Đông dẫn vào khu vực san lấp, gây nguy cơ mất an toàn giao thông tại điểm giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển từ mỏ đất ra Quốc lộ 1A và trên tuyến đường đê Đông.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân

- Giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,52 m³/ngày; nước thải từ quá trình xây dựng phát sinh khoảng 2 m³/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 217,37 m³/ngày.

Nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất thải rắn lơ lửng cao; nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 0,43 m³/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 5.666 m³/ngày tại Khu I và 22.663 m³/ngày tại Khu II (tính cho lưu lượng ngày mưa lớn nhất).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng và vận chuyển nguyên liệu; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào Dự án.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05: bụi phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình thực hiện san lấp.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân

- Giai đoạn xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt (chủ yếu là vỏ hộp, bao bì đựng thức ăn...) phát sinh khoảng 40 kg/ngày; chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 450 kg/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.201 kg/ngày; bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 39,38 kg/ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt và bùn thải có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi và có nguy cơ gây đục hóa.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 8,21 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy, gây mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân

Chất thải nguy hại chủ yếu là pin, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang,... chứa yếu tố độc hại, dễ cháy nổ, dễ ăn mòn và gây ngộ độc; phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 70 kg/ngày, giai đoạn hoạt động phát sinh khoảng 180 kg/ngày.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

Chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải khoảng 12 kg/năm và bóng đèn huỳnh quang thải khoảng 02 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: nước mưa được thu gom bằng hệ thống ống bê tông ly tâm D600 ÷ D1200 bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ, thu gom theo hướng từ Tây sang Đông và từ Nam ra Bắc, sau đó thoát ra nhánh sông Trường Úc qua 02 điểm xả ở phía Đông Bắc.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt tách riêng với nước mưa. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ gia đình, được đầu nối vào các tuyến thu gom nước thải HDPE D300 ÷ D400 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 220 m³/ngày (đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông Bắc Dự án để tiếp tục xử lý trước khi thải ra nhánh sông Trường Úc (điểm xả có tọa độ: 1.529.116; 604.060).

+ Sơ đồ công nghệ xử lý: nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → nhánh sông Trường Úc.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (hệ số K=1,0) trước khi thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, liên tục.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

- Xử lý nước mưa chảy tràn

+ Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh khu mỏ (kích thước: dài 2.361m x rộng 1,9m x cao 1,0m), kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo và được bố trí 04 hố giảm tốc để giảm tốc độ dòng chảy; mương đất dẫn nước từ hồ lắng ra mương hiện trạng (kích thước: dài 110m x rộng 1,9m x cao 1,0m), kết cấu là mương đất, được gia cố đảm bảo.

+ Hồ lắng phía Đông Khu I (tọa độ: 1.517.427; 598.003) có thể tích khoảng 196 m³ (kích thước: dài 28,0m x rộng 7,0m x sâu 3,0m) và hồ lắng phía Bắc Khu II (tọa độ: 1.516.845; 598.419) có thể tích khoảng 451 m³ (kích thước: dài 41,0m x rộng 11,0m x sâu 3,0m). Các hồ lắng được thiết kế 02 ngăn và được gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn được thu gom về hồ lắng để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$).

+ Quy trình thu gom, xử lý: nước mưa chảy tràn → mương thu gom xung quanh khu mỏ → hồ lắng → mương dẫn nước → mương thoát nước hiện trạng phía Đông Dự án.

3.2. Về xử lý bụi

Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Sử dụng thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy để lưu chứa; bố trí khu vực tập kết dụng cụ, thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt (xe rác đẩy tay,...) tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông Bắc Dự án, diện tích khoảng 30 m² (đảm bảo vệ sinh môi trường và có mái che).

- Thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt và bùn thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn theo quy định, bố trí khu vực để lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phối hợp với chính quyền địa phương lập danh sách các đối tượng hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản chịu ảnh hưởng bởi hoạt động của Dự án để có biện pháp hỗ trợ sinh kế; giải quyết các ý kiến kiến nghị của người dân trong quá trình triển khai Dự án.

- Bố trí công nhân làm nhiệm vụ điều tiết giao thông tại điểm giao nhau giữa tuyến đường bê tông nối từ khu vực mỏ đất ra Quốc lộ 1A và tuyến đường đê Đông vào khu vực san lấp.

- Không hoạt động trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 21h đến 6h ngày hôm sau.

- Chủ dự án hoặc đơn vị nhận bàn giao quản lý và vận hành: vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung; kiểm tra, khơi thông các hố ga, cống thoát nước mưa tránh ngập cục bộ trong khu vực khi có mưa lớn.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực Dự án.	06 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác.
2.	San gạt lại mặt bằng dự án	12.006 m ³	Không tạo hố lồi lõm, tạo độ nghiêng về phía Đông, thuận lợi cho quá trình thoát nước trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng.	8.241 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm.
4.	Tháo dỡ cống thoát nước qua đường	4,6 tấn		
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động.	40 m ²		
6.	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường bê tông đến chân mỏ.	2.160 m ³	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển.	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày trước và sau khi kết thúc khai thác.
7.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án.	13,34 ha	Phủ xanh khu vực khai thác.	Thực hiện sau khi kết thúc khai thác và hoàn thành việc san gạt hoàn thổ phục hồi môi trường
8.	Đo vẽ bản đồ địa hình.	13,34 ha	Giám sát độ sâu khai thác.	Sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **1.481.654.000 đồng** (Một tỷ bốn trăm tám mươi một triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 370.413.500 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 1.111.240.500 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.
- 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 220 m³/ngày.
- Khu vực tập kết dụng cụ, thiết bị thu gom rác thải tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông Bắc, diện tích 30m² (có mái che).
- Diện tích đất công viên cây xanh 9.010 m².

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Hồ lắng phía Đông Khu I và hồ lắng phía Bắc Khu II; 04 hồ giảm tốc; mương thu gom nước mưa về hồ lắng; mương dẫn nước từ 02 hồ lắng ra nguồn tiếp nhận.

- Nhà vệ sinh di động.
- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và Du lịch sinh thái Diêm Vân

Trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành thương mại, Chủ dự án hoặc đơn vị nhận bàn giao quản lý và vận hành Dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

- Giai đoạn xây dựng: giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý.

- Giám sát nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

+ Vị trí, thông số và tần suất giám sát: vị trí, thông số và tần suất quan trắc thực hiện theo quy định tại điểm 1 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

+ Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số K=1,0.

- Giám sát nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành thương mại
 - + Vị trí giám sát: tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.
 - + Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliforms.
 - + Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số K=1,0.
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- b) Khai thác đất tại mỏ QN05
- Giám sát nước thải đầu ra tại 02 hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số K_q = 0,9 và K_f = 0,9); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 01 điểm gần nhà dân đầu đường vào khu vực mỏ đất QN05 và 01 điểm trên tuyến đường đê Đông; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
 - Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.